

Số: /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm căn cứ bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 15/6/2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ các Quyết định: số 32/2024/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 39/2024/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế khen thưởng doanh nhân, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4351/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND Thành phố về Quy định đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hằng năm đối với các Cụm, khối thi đua thuộc Thành phố.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 3851/TTr-SNV ngày 19 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm căn cứ bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố; các cụm, khối thi đua và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Ban ĐKT Trung ương;
- TT Thành ủy, HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Thành viên Hội đồng ĐKT Thành phố;
- V PUB: CVP, các PCVP, P. NC;
- Lưu: VT, SNV(BTĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Sơn

QUY ĐỊNH

Về việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm căn cứ bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm căn cứ bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị, tập thể trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc đối tượng khen thưởng thành tích công trạng, thành tích công tác năm, gồm:

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, đơn vị thuộc Thành phố; các quận, huyện, thị xã (sau đây gọi tắt là đơn vị).

b) Các tập thể thuộc các đơn vị được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 1 của Quy định này.

c) Các tổ chức, doanh nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Là cơ sở để đánh giá, xếp loại và xác nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm căn cứ bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các đơn vị, tập thể thuộc thành phố Hà Nội.

2. Yêu cầu

Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được kết hợp với công tác đánh giá, bình xét thi đua hằng năm của các đơn vị và cụm, khối thi đua do Thành phố thành lập và hướng dẫn khen thưởng của Thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá

1. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể, cơ quan, đơn vị phải căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị; đồng thời xem xét đến yếu tố sáng tạo, hiệu quả trong tham mưu đề xuất và thực hiện nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

2. Khi tiến hành đánh giá, xếp loại các tập thể, cơ quan, đơn vị phải đảm bảo khách quan, chặt chẽ, khoa học, công khai, minh bạch, dân chủ, phản ánh đúng kết quả đạt được của địa phương, cơ quan, đơn vị, đồng thời xác định, làm rõ số

lượng, khối lượng công việc chưa hoàn thành trong năm của đơn vị và đề ra giải pháp khắc phục trong năm tiếp theo.

3. Việc tự đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương được tổ chức hằng năm phù hợp với thời điểm đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng.

4. Không đánh giá, xếp loại đối với các tập thể, cơ quan, đơn vị, địa phương có Đảng bộ hoặc Chi bộ được đánh giá ở mức không Hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ trong Quy định này được hiểu thống nhất như sau:

1. Vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên: bao gồm các hành vi vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật của Đảng hoặc của chính quyền hoặc của tổ chức chính trị - xã hội từ hình thức khiển trách trở lên.

2. Trường hợp hành vi vi phạm chưa có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền nhưng đã được dùng làm căn cứ để đánh giá chất lượng trong năm đánh giá thì quyết định xử lý kỷ luật ban hành sau năm đánh giá đối với hành vi vi phạm đó (nếu có) không được tính để đánh giá chất lượng ở năm có quyết định xử lý kỷ luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ

Điều 5. Thẩm quyền đánh giá

1. Chủ tịch UBND Thành phố quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm căn cứ xét khen thưởng đối với các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố và quận, huyện, thị xã.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm căn cứ xét khen thưởng đối với các phòng, ban, đơn vị và các xã, phường, thị trấn theo thẩm quyền khen thưởng và đề xuất khen thưởng thuộc đơn vị.

3. Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm căn cứ xét khen thưởng đối với các công ty, doanh nghiệp ngoài nhà nước và các tổ chức kinh tế khác đóng trên địa bàn.

Điều 6. Tiêu chí đánh giá

1. Tiêu chí đánh giá các địa phương, cơ quan, đơn vị được thực hiện theo các Phụ lục kèm theo Quy định này (bao gồm 08 Phụ lục kèm theo, từ Phụ lục số 01 đến 08). Tổng số điểm theo thang điểm là 1.000 điểm.

2. Tiêu chí đánh giá các tổ chức doanh nghiệp thực hiện theo Phụ lục số 09 kèm theo Quy định này. Tổng số điểm theo thang điểm là 100 điểm.

Điều 7. Quy trình đánh giá

1. Đối với các đơn vị trực thuộc Thành phố

1.1. Tự đánh giá

a) Các đơn vị tiến hành tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị mình theo Bộ tiêu chí của khối, cụm thi đua tại Phụ lục đính kèm, sau đó gửi hồ sơ về Cụm trưởng, Khối trưởng các cụm, khối thi đua trước ngày 15 tháng 01 hằng năm.

Cụm trưởng, Khối trưởng các cụm, khối thi đua tổng hợp và gửi về Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) trước ngày 20 tháng 01 hằng năm.

b) Đối với các trường Đại học, cao đẳng tự đánh giá theo Bộ tiêu chí, sau đó gửi hồ sơ về Khối trưởng khối thi đua trước ngày 30 tháng 7 hằng năm.

Khối trưởng khối thi đua tổng hợp và gửi về Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) trước ngày 10 tháng 8 hằng năm.

1.2. Tổng hợp, thẩm định kết quả; đề xuất đánh giá, xếp loại

a) Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố tổng hợp, rà soát kết quả tự chấm điểm và ý kiến của các ngành liên quan đánh giá các đơn vị; đề xuất đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị.

b) Báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố về kết quả tổng hợp đánh giá và dự kiến xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các đơn vị kết hợp với thẩm định, bình xét thi đua khen thưởng đối với các đơn vị trong các cụm, khối thi đua theo Quy chế thi đua hiện hành.

c) Tổng hợp ý kiến, trình Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị.

2. Đối với đơn vị cấp phòng, ban, đơn vị thuộc các Sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã và đơn vị thuộc Thành phố

2.1. Tự đánh giá

a) Các đơn vị tiến hành tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị mình theo Bộ tiêu chí của khối, cụm thi đua tại Phụ lục đính kèm, sau đó gửi hồ sơ về Cụm trưởng, Khối trưởng các cụm, khối thi đua trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Cụm trưởng, Khối trưởng các cụm, khối thi đua tổng hợp và gửi về Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trên trực tiếp trước ngày 05 tháng 01 hằng năm.

b) Đối với các trường, đơn vị thuộc khối giáo dục và đào tạo tự đánh giá theo Bộ tiêu chí, sau đó gửi hồ sơ về Khối trưởng khối thi đua trước ngày 05 tháng 6 hằng năm.

Khối trưởng khối thi đua tổng hợp và gửi về Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trên trực tiếp trước ngày 10 tháng 6 hằng năm.

c) Đối với các trường trung cấp nghề, đơn vị thuộc khối giáo dục nghề nghiệp trực thuộc các sở, ngành, đơn vị thuộc Thành phố tự đánh giá theo Bộ tiêu chí, sau đó gửi hồ sơ về Khối trưởng khối thi đua trước ngày 15 tháng 6 hằng năm.

Khối trưởng khối thi đua tổng hợp và gửi về Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trên trực tiếp trước ngày 25 tháng 6 hằng năm.

2.2. Tổng hợp, thẩm định kết quả; đề xuất đánh giá, xếp loại

a) Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các đơn vị thuộc Thành phố tổng hợp, rà soát kết quả tự chấm điểm và ý kiến của các ngành liên quan đánh giá các đơn vị; đề xuất đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị.

b) Báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các đơn vị thuộc Thành phố về kết quả tổng hợp đánh giá và dự kiến xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các đơn vị kết hợp với thẩm định, bình xét thi đua khen thưởng đối với các đơn vị trong các cụm, khối thi đua theo Quy chế thi đua hiện hành.

c) Tổng hợp ý kiến, đề xuất và trình Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố và Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã xem xét, quyết định kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị.

3. Đối với các tổ chức doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp cổ phần ngoài nhà nước và các tổ chức kinh tế khác

3.1. Tự đánh giá

Các tổ chức, doanh nghiệp tiến hành tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị mình theo các Tiêu chí tại Phụ lục đính kèm, sau đó gửi hồ sơ về Khối trưởng khối thi đua trước ngày 15 tháng 02 hằng năm.

Khối trưởng khối thi đua tổng hợp và gửi về Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng UBND các quận, huyện, thị xã nơi doanh nghiệp đóng trụ sở trước ngày 01 tháng 3 hằng năm.

3.2. Tổng hợp, thẩm định kết quả; đề xuất đánh giá, xếp loại

a) Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng UBND các quận, huyện, thị xã tổng hợp, rà soát kết quả tự chấm điểm và ý kiến của các đơn vị liên quan đánh giá các đơn vị; đề xuất đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị.

b) Báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận, huyện, thị xã về kết quả tổng hợp đánh giá và dự kiến xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các đơn vị kết hợp với thẩm định, bình xét thi đua khen thưởng đối với các đơn vị theo Quy chế thi đua hiện hành.

c) Tổng hợp ý kiến, đề xuất và trình Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã xem xét, quyết định kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị.

Điều 8. Phương pháp chấm điểm để đánh giá

1. Căn cứ vào điểm chuẩn và kết quả thực hiện từng tiêu chí để chấm điểm, trong đó:

a) Đối với công việc đã hoàn thành theo đúng quy định và nhiệm vụ mang tính chất thường xuyên đã có sản phẩm cuối cùng theo quy định của cấp thẩm quyền trong năm đánh giá thì chấm điểm tối đa theo điểm quy định.

b) Đối với công việc đã triển khai nhưng chưa hoàn thành hoặc chưa đạt kết quả theo yêu cầu hoặc chưa đúng quy định, chấm điểm theo tỷ lệ phần trăm (%) đạt được của nội dung tiêu chí theo thang điểm quy định.

c) Đối với tiêu chí không thực hiện, chấm 0 điểm.

d) Các đơn vị khi tự chấm điểm có trách nhiệm chứng minh các nội dung chấm điểm vào cột ghi chú và gửi kèm văn bản, tài liệu để chứng minh kết quả đánh giá.

2. Điểm thưởng, điểm trừ:

Thực hiện theo các tiêu chí trong Bộ Tiêu chí kèm theo Quy chế này.

Điều 9. Thang điểm đánh giá

Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị trên cơ sở điểm tổng cộng của tất cả các tiêu chí, điểm thưởng, điểm trừ được chia thành 4 mức độ theo thang điểm như sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Đơn vị được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khi đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tổng số điểm chấm từ Bộ tiêu chí đạt từ 850 điểm trở lên; đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác tổng số điểm chấm đạt từ 80 điểm trở lên.

b) Không thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đơn vị được đánh giá có lãnh đạo bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

- Đơn vị được đánh giá có lãnh đạo đơn vị trực thuộc bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

- Đơn vị được đánh giá có công chức, viên chức, người lao động vi phạm đến mức bị khởi tố, truy tố trở lên.

- Trong năm đánh giá đến thời điểm trình hồ sơ đánh giá xếp loại, đơn vị không thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, để xảy ra hậu quả gây dư luận xấu trong xã hội.

- Đảng bộ/chi bộ được đánh giá ở mức hoàn thành nhiệm vụ.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Đơn vị được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tổng số điểm chấm từ Bộ tiêu chí đạt từ 700 điểm đến dưới 850 điểm. Đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác tổng số điểm chấm đạt từ 70 điểm đến dưới 80 điểm.

b) Có tổng số điểm chấm từ Bộ tiêu chí đạt từ 850 điểm trở lên; đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác tổng số điểm chấm đạt từ 80 điểm trở lên nhưng đơn vị thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này.

c) Không thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đơn vị được đánh giá có lãnh đạo bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

- Đơn vị được đánh giá có lãnh đạo đơn vị trực thuộc bị xử lý kỷ luật từ hình thức giáng chức trở lên.

- Đơn vị được đánh giá có công chức, viên chức, người lao động vi phạm đến mức bị khởi tố, truy tố trở lên.

- Trong năm đánh giá đến thời điểm trình hồ sơ đánh giá xếp loại, đơn vị không thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, để xảy ra hậu quả gây dư luận xấu trong xã hội.

3. Hoàn thành nhiệm vụ

Đơn vị được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tổng số điểm chấm từ Bộ tiêu chí đạt từ 500 điểm đến dưới 700 điểm. Đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác tổng số điểm chấm đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.

b) Có tổng số điểm chấm từ Bộ tiêu chí đạt từ 700 điểm đến dưới 850 điểm; đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác tổng số điểm chấm đạt từ 70 điểm đến dưới 80 điểm nhưng đơn vị thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm c, khoản 2 Điều này.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ

Đơn vị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ khi có một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tổng số điểm chấm từ Bộ tiêu chí đạt dưới 500 điểm. Đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác tổng số điểm chấm đạt dưới 50 điểm.

b) Có tổng số điểm chấm từ Bộ tiêu chí đạt trên 500 điểm. Đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác tổng số điểm chấm đạt trên 50 điểm, tuy nhiên hoàn thành dưới 50% nhiệm vụ Thành phố giao hoặc các nhiệm vụ theo kế hoạch của đơn vị.

c) Có lãnh đạo cấp đánh giá vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật từ hình thức giáng chức trở lên.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành; Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị thuộc Thành phố; các quận, huyện, thị xã và các đơn vị trực thuộc

1. Căn cứ Bộ Tiêu chí đánh giá kèm theo Quy định này, các đơn vị và các cụm khối thi đua xây dựng tiêu chí phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để đánh giá các phòng, ban, đơn vị trực thuộc được hiệu quả, chính xác.

2. Thực hiện tự chấm điểm, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm theo bộ tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định này kèm theo minh chứng gửi về Cụm trưởng, Khối trưởng các cụm, khối thi đua và Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp theo quy định.

3. Tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp với đơn vị Cụm trưởng, đơn vị Khối trưởng các cụm, khối thi đua và Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp thực hiện tốt việc rà soát, thẩm định, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm.

4. Tổ chức đánh giá, xếp loại và xác nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc. Đối với UBND các quận, huyện, thị xã: tổ chức đánh giá, xếp loại và xác nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp cổ phần ngoài nhà nước và các tổ chức kinh tế khác.

5. Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị là cơ sở để xét, đề nghị khen thưởng. Do đó, yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thành công tác đánh giá các tiêu chí đảm bảo chính xác, đúng thời gian quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Cơ quan (bộ phận) Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp quản lý trực tiếp

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Tổng hợp, tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp quản lý trực tiếp xem xét, đề xuất Chủ tịch UBND Thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị.

3. Ngoài các tiêu chí đánh giá được nêu tại các Phụ lục, trong năm, các cấp, các ngành có thể bổ sung thêm các tiêu chí để đánh giá các cơ quan, đơn vị phù hợp thực tiễn, sát với các nhiệm vụ được giao hằng năm.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Thành phố) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC SỐ 01**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ KHỐI CÁC BAN XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ VĂN PHÒNG THÀNH ỦY; CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÁC BAN XÂY DỰNG ĐẢNG, VĂN PHÒNG THÀNH ỦY, QUẬN, HUYỆN, THỊ ỦY***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)*

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
I	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị	600	
1	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu, kế hoạch do cấp có thẩm quyền giao.	300	
2	Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất phát sinh trong năm do cấp có thẩm quyền giao.	200	
-	<i>Tham mưu cấp trên ban hành các đề án, chương trình, nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản chỉ đạo, điều hành, định hướng về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực phụ trách.</i>	100	
-	<i>Hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, phát sinh cấp có thẩm quyền giao trong năm.</i>	100	
3	Thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số: có kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, triển khai đầy đủ, kịp thời chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và có triển khai ứng dụng các phần mềm trong quản lý chuyên môn, nghiệp vụ; đẩy mạnh sử dụng chữ ký số, hạn chế văn bản giấy.	50	
4	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	50	
-	<i>Đảm bảo tuyệt đối an toàn, phòng chống cháy nổ trong cơ quan, đơn vị, tham gia đầy đủ công tác quân sự quốc phòng và dân quân tự vệ cơ quan, không có cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật.</i>	50	
-	<i>Đề xảy ra cháy nổ trong cơ quan, đơn vị hoặc bị cơ quan quân sự nhắc nhở về công tác quốc phòng và dân quân tự vệ hoặc có cán bộ, đảng viên thuộc cơ quan vi phạm pháp luật.</i>	0	
II	Kết quả xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh	250	
1	Thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát chức năng nhiệm vụ; sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị không để chồng chéo, trùng lặp; xây dựng đề án vị trí việc làm; thực hiện nghiêm túc kế hoạch luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền giao; giữ vững đoàn kết nội bộ trong cơ quan.	50	
2	Kết quả đánh giá chất lượng tổ chức Đảng của đơn vị	100	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	100	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	80	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	70	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
3	Kết quả đánh giá chất lượng các tổ chức chính trị - xã hội của đơn vị	100	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	100	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	80	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	70	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
III	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng	100	
1	Xây dựng, ban hành hệ thống các quy chế, quy định, chương trình, kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng hàng năm	30	
-	Xây dựng các chương trình, kế hoạch và ban hành quy chế, quy định về công tác thi đua, khen thưởng.	10	
-	Ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng.	10	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
-	Công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng	5	
-	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng	5	
2	Tổ chức phát động, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua hằng năm	30	
-	Triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động	10	
-	Triển khai các phong trào thi đua đặc thù của đơn vị	10	
-	Triển khai Cuộc thi viết về gương điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt	5	
-	Công tác tuyên truyền gương ĐHTT, NTVT	5	
3	Tổ chức tốt công tác khen thưởng thường xuyên, đột xuất đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc	30	
-	Thực hiện tốt khen thưởng theo thẩm quyền.	10	
-	Đề xuất cấp trên khen thưởng kịp thời, đảm bảo chất lượng.	10	
-	Hồ sơ trình khen thưởng các cấp đảm bảo đúng quy định.	10	
4	Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo về công tác TĐKT hằng năm	10	
	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo đảm bảo quy định.	10	
IV	Điểm thưởng	50	
1	Thưởng cho các đơn vị có kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị toàn diện, nổi bật so với năm trước và so với các đơn vị trong khối.	15	
2	Thưởng cho các mô hình mới, cách làm mới có phạm vi ảnh hưởng ngoài cơ quan, đơn vị	15	
3	Thưởng cho đơn vị có người lao động trực tiếp thuộc đơn vị được Nhà nước, Thành phố khen thưởng các hình thức, danh hiệu (Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Công dân Thủ đô ưu tú, Chiến sỹ thi đua toàn quốc) hoặc được lãnh đạo Trung ương, Thành phố gửi Thư khen trong năm.	10	
4	Thưởng cho đơn vị thực hiện tốt công tác phát hiện, bồi dưỡng hình tiên tiến; khen thưởng, tuyên truyền nhân rộng ĐHTT, NTVT.	10	
V	Điểm trừ	50	
1	Trừ điểm các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chậm, muộn: cứ mỗi nhiệm vụ để chậm, muộn (do đơn vị cấp trên ban hành văn bản) trừ 01 điểm, tổng số điểm trừ không quá 15 điểm.	15	
2	Trừ điểm các đơn vị có cán bộ chủ chốt bị vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên	15	
3	Trừ điểm các đơn vị chưa khắc phục tồn tại, hạn chế theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán	15	
4	Điểm trừ các cơ quan, đơn vị không thực hiện các hoạt động do khối thi đua tổ chức theo quy định	5	
	Tổng điểm nội dung I + II + III + IV	1.000	

Ghi chú:

Tính điểm bằng cách lấy tỉ lệ % nhiệm vụ hoàn thành nhân với điểm chuẩn
Ví dụ: Đơn vị A hoàn thành 93% nhiệm vụ, thì số điểm mục này sẽ là 93% x 300 (điểm chuẩn) = 279 điểm.

PHỤ LỤC SỐ 02**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI CÁC SỞ, NGÀNH, VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HĐND THÀNH PHỐ; CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC CÁC SỞ, NGÀNH, VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HĐND THÀNH PHỐ***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)*

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
I	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị	600	
1	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu, kế hoạch do cấp có thẩm quyền giao.	300	
2	Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất phát sinh trong năm do cấp có thẩm quyền giao.	200	
-	<i>Tham mưu cấp trên ban hành các đề án, chương trình, nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản chỉ đạo, điều hành, định hướng về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực phụ trách.</i>	100	
-	<i>Hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, phát sinh cấp có thẩm quyền giao trong năm.</i>	100	
3	Kết quả điểm đánh giá chỉ số cải cách hành chính, chuyển đổi số	50	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá từ 90 điểm trở lên</i>	50	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá từ 80 đến 89 điểm</i>	40	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá từ 70 đến 79 điểm</i>	30	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá đạt dưới 70 điểm</i>	20	
4	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	50	
-	<i>Đảm bảo tuyệt đối an toàn, phòng chống cháy nổ trong cơ quan, đơn vị, tham gia đầy đủ công tác quân sự quốc phòng và dân quân tự vệ cơ quan, không có cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật.</i>	50	
-	<i>Để xảy ra cháy nổ trong cơ quan, đơn vị hoặc bị cơ quan quân sự nhắc nhở về công tác quốc phòng và dân quân tự vệ hoặc có cán bộ, đảng viên thuộc cơ quan vi phạm pháp luật.</i>	0	
II	Kết quả xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh	250	
1	Thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát chức năng nhiệm vụ; sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị không để chồng chéo, trùng lặp; xây dựng đề án vị trí việc làm; thực hiện nghiêm túc kế hoạch luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền giao; giữ vững đoàn kết nội bộ trong cơ quan.	50	
2	Kết quả đánh giá chất lượng tổ chức Đảng của đơn vị	100	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	100	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	80	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	70	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
3	Kết quả đánh giá chất lượng các tổ chức chính trị - xã hội của đơn vị	100	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	100	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	80	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	70	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
III	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng	100	
1	Xây dựng, ban hành hệ thống các quy chế, quy định, chương trình, kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng hàng năm	30	
-	Xây dựng các chương trình, kế hoạch và ban hành quy chế, quy định về công tác thi đua, khen thưởng.	10	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
-	Ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng.	10	
-	Công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng	5	
-	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng	5	
2	Tổ chức phát động, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua hằng năm	30	
-	Triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động	10	
-	Triển khai các phong trào thi đua đặc thù của đơn vị	10	
-	Triển khai Cuộc thi viết về gương điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt	5	
-	Công tác tuyên truyền gương ĐHTT, NTVT	5	
3	Tổ chức tốt công tác khen thưởng thường xuyên, đột xuất đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc	30	
-	Thực hiện tốt khen thưởng theo thẩm quyền.	10	
-	Đề xuất cấp trên khen thưởng kịp thời, đảm bảo chất lượng.	10	
-	Hồ sơ trình khen thưởng các cấp đảm bảo đúng quy định.	10	
4	Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo về công tác TĐKT hằng năm	10	
	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo đảm bảo quy định.	10	
IV	Điểm thưởng	50	
1	Thưởng cho các đơn vị có kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị toàn diện, nổi bật so với năm trước và so với các đơn vị trong khối.	15	
2	Thưởng cho các mô hình mới, cách làm mới có phạm vi ảnh hưởng ngoài cơ quan, đơn vị	15	
3	Thưởng cho đơn vị có người lao động trực tiếp thuộc đơn vị được Nhà nước, Thành phố khen thưởng các hình thức, danh hiệu (Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Công dân Thủ đô ưu tú, Chiến sỹ thi đua toàn quốc) hoặc được lãnh đạo Trung ương, Thành phố gửi Thư khen trong năm.	10	
4	Thưởng cho đơn vị thực hiện tốt công tác phát hiện, bồi dưỡng hình tiên tiến; khen thưởng, tuyên truyền nhân rộng ĐHTT, NTVT.	10	
V	Điểm trừ	50	
1	Trừ điểm các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chậm, muộn: cứ mỗi nhiệm vụ trễ chậm, muộn (do đơn vị cấp trên ban hành văn bản) trừ 01 điểm, tổng số điểm trừ không quá 15 điểm.	15	
2	Trừ điểm các đơn vị có cán bộ chủ chốt bị vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên	15	
3	Trừ điểm các đơn vị chưa khắc phục tồn tại, hạn chế theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán	15	
4	Điểm trừ các cơ quan, đơn vị không thực hiện các hoạt động do khối thi đua tổ chức theo quy định	5	
	Tổng điểm nội dung I + II + III + IV	1.000	

Ghi chú:

Tính điểm bằng cách lấy tỉ lệ % nhiệm vụ hoàn thành nhân với điểm chuẩn
Ví dụ: Đơn vị A hoàn thành 93% nhiệm vụ, thì số điểm mục này sẽ là 93% x 300 (điểm chuẩn) = 279 điểm.

PHỤ LỤC SỐ 03**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI ỦY BAN MTTQ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI CÁC CẤP***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024**của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)*

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
I	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị	600	
1	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu, kế hoạch do cấp có thẩm quyền giao.	300	
2	Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất phát sinh trong năm do cấp có thẩm quyền giao.	200	
-	<i>Tham mưu cấp trên ban hành các đề án, chương trình, nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản chỉ đạo, điều hành, định hướng về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực phụ trách.</i>	100	
-	<i>Hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, phát sinh cấp có thẩm quyền giao trong năm.</i>	100	
3	Thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số: có kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, triển khai đầy đủ, kịp thời chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và có triển khai ứng dụng các phần mềm trong quản lý chuyên môn, nghiệp vụ; đẩy mạnh sử dụng chữ ký số, hạn chế văn bản giấy.	50	
4	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	50	
-	<i>Đảm bảo tuyệt đối an toàn, phòng chống cháy nổ trong cơ quan, đơn vị, tham gia đầy đủ công tác quân sự quốc phòng và dân quân tự vệ cơ quan, không có cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật.</i>	50	
-	<i>Đề xảy ra cháy nổ trong cơ quan, đơn vị hoặc bị cơ quan quân sự nhắc nhở về công tác quốc phòng và dân quân tự vệ hoặc có cán bộ, đảng viên thuộc cơ quan vi phạm pháp luật.</i>	0	
II	Kết quả xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh	250	
1	Thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát chức năng nhiệm vụ; sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị không để chồng chéo, trùng lặp; xây dựng đề án vị trí việc làm; thực hiện nghiêm túc kế hoạch luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền giao; giữ vững đoàn kết nội bộ trong cơ quan.	50	
2	Kết quả đánh giá chất lượng tổ chức Đảng của đơn vị	100	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	100	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	80	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	70	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
3	Kết quả đánh giá chất lượng các tổ chức chính trị - xã hội của đơn vị	100	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	100	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	80	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	70	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
III	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng	100	
1	Xây dựng, ban hành hệ thống các quy chế, quy định, chương trình, kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng hàng năm	30	
-	Xây dựng các chương trình, kế hoạch và ban hành quy chế, quy định về công tác thi đua, khen thưởng.	10	
-	Ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng.	10	
-	Công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng	5	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
-	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng	5	
2	Tổ chức phát động, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua hằng năm	30	
-	Triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động	10	
-	Triển khai các phong trào thi đua đặc thù của đơn vị	10	
-	Triển khai Cuộc thi viết về gương điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt	5	
-	Công tác tuyên truyền gương ĐHTT, NTVT	5	
3	Tổ chức tốt công tác khen thưởng thường xuyên, đột xuất đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc	30	
-	Thực hiện tốt khen thưởng theo thẩm quyền.	10	
-	Đề xuất cấp trên khen thưởng kịp thời, đảm bảo chất lượng.	10	
-	Hồ sơ trình khen thưởng các cấp đảm bảo đúng quy định.	10	
4	Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo về công tác TĐKT hằng năm	10	
	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo đảm bảo quy định.	10	
IV	Điểm thưởng	50	
1	Thưởng cho các đơn vị có kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị toàn diện, nổi bật so với năm trước và so với các đơn vị trong khối.	15	
2	Thưởng cho các mô hình mới, cách làm mới có phạm vi ảnh hưởng ngoài cơ quan, đơn vị	15	
3	Thưởng cho đơn vị có người lao động trực tiếp thuộc đơn vị được Nhà nước, Thành phố khen thưởng các hình thức, danh hiệu (Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Công dân Thủ đô ưu tú, Chiến sỹ thi đua toàn quốc) hoặc được lãnh đạo Trung ương, Thành phố gửi Thư khen trong năm.	10	
4	Thưởng cho đơn vị thực hiện tốt công tác phát hiện, bồi dưỡng hình tiên tiến; khen thưởng, tuyên truyền nhân rộng ĐHTT, NTVT.	10	
V	Điểm trừ	50	
1	Trừ điểm các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chậm, muộn: cứ mỗi nhiệm vụ trễ chậm, muộn (do đơn vị cấp trên ban hành văn bản) trừ 01 điểm, tổng số điểm trừ không quá 15 điểm.	15	
2	Trừ điểm các đơn vị có cán bộ chủ chốt bị vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên	15	
3	Trừ điểm các đơn vị chưa khắc phục tồn tại, hạn chế theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán	15	
4	Điểm trừ các cơ quan, đơn vị không thực hiện các hoạt động do khối thi đua tổ chức theo quy định	5	
	Tổng điểm nội dung I + II + III + IV	1.000	

Ghi chú:

Tính điểm bằng cách lấy tỉ lệ % nhiệm vụ hoàn thành nhân với điểm chuẩn

Ví dụ: Đơn vị A hoàn thành 93% nhiệm vụ, thì số điểm mục này sẽ là 93% x 300 (điểm chuẩn) = 279 điểm.

PHỤ LỤC SỐ 04**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HOÀ LẠC; CÁC PHÒNG, ĐƠN VỊ THUỘC CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HOÀ LẠC***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)*

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
I	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị	600	
1	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu, kế hoạch do cấp có thẩm quyền giao.	300	
2	Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất phát sinh trong năm do cấp có thẩm quyền giao.	200	
-	<i>Tham mưu cấp trên ban hành các đề án, chương trình, nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản chỉ đạo, điều hành, định hướng về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực phụ trách.</i>	100	
-	<i>Hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, phát sinh cấp có thẩm quyền giao trong năm.</i>	100	
3	Kết quả điểm đánh giá chỉ số cải cách hành chính, chuyên đổi số	50	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá từ 90 điểm trở lên</i>	50	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá từ 80 đến 89 điểm</i>	40	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá từ 70 đến 79 điểm</i>	30	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá đạt dưới 70 điểm</i>	20	
4	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	50	
-	<i>Đảm bảo tuyệt đối an toàn, phòng chống cháy nổ trong cơ quan, đơn vị, tham gia đầy đủ công tác quân sự quốc phòng và dân quân tự vệ cơ quan, không có cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật.</i>	50	
-	<i>Để xảy ra cháy nổ trong cơ quan, đơn vị hoặc bị cơ quan quân sự nhắc nhở về công tác quốc phòng và dân quân tự vệ hoặc có cán bộ, đảng viên thuộc cơ quan vi phạm pháp luật.</i>	0	
II	Kết quả xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh	250	
1	Thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát chức năng nhiệm vụ; sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị không để chồng chéo, trùng lặp; xây dựng đề án vị trí việc làm; thực hiện nghiêm túc kế hoạch luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền giao; giữ vững đoàn kết nội bộ trong cơ quan.	50	
2	Kết quả đánh giá chất lượng tổ chức Đảng của đơn vị	100	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	100	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	80	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	70	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
3	Kết quả đánh giá chất lượng các tổ chức chính trị - xã hội của đơn vị	100	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	100	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	80	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	70	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
III	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng	100	
1	Xây dựng, ban hành hệ thống các quy chế, quy định, chương trình, kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng hàng năm	30	
-	Xây dựng các chương trình, kế hoạch và ban hành quy chế, quy định về công tác thi đua, khen thưởng.	10	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
-	Ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng.	10	
-	Công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng	5	
-	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng	5	
2	Tổ chức phát động, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua hằng năm	30	
-	Triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động	10	
-	Triển khai các phong trào thi đua đặc thù của đơn vị	10	
-	Triển khai Cuộc thi viết về gương điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt	5	
-	Công tác tuyên truyền gương ĐHTT, NTVT	5	
3	Tổ chức tốt công tác khen thưởng thường xuyên, đột xuất đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc	30	
-	Thực hiện tốt khen thưởng theo thẩm quyền.	10	
-	Đề xuất cấp trên khen thưởng kịp thời, đảm bảo chất lượng.	10	
-	Hồ sơ trình khen thưởng các cấp đảm bảo đúng quy định.	10	
4	Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo về công tác TĐKT hằng năm	10	
	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo đảm bảo quy định.	10	
IV	Điểm thưởng	50	
1	Thưởng cho các đơn vị có kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị toàn diện, nổi bật so với năm trước và so với các đơn vị trong khối.	15	
2	Thưởng cho các mô hình mới, cách làm mới có phạm vi ảnh hưởng ngoài cơ quan, đơn vị	15	
3	Thưởng cho đơn vị có người lao động trực tiếp thuộc đơn vị được Nhà nước, Thành phố khen thưởng các hình thức, danh hiệu (Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Công dân Thủ đô ưu tú, Chiến sỹ thi đua toàn quốc) hoặc được lãnh đạo Trung ương, Thành phố gửi Thư khen trong năm.	10	
4	Thưởng cho đơn vị thực hiện tốt công tác phát hiện, bồi dưỡng hình tiên tiến; khen thưởng, tuyên truyền nhân rộng ĐHTT, NTVT.	10	
V	Điểm trừ	50	
1	Trừ điểm các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chậm, muộn: cứ mỗi nhiệm vụ trễ chậm, muộn (do đơn vị cấp trên ban hành văn bản) trừ 01 điểm, tổng số điểm trừ không quá 15 điểm.	15	
2	Trừ điểm các đơn vị có cán bộ chủ chốt bị vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên	15	
3	Trừ điểm các đơn vị chưa khắc phục tồn tại, hạn chế theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán	15	
4	Điểm trừ các cơ quan, đơn vị không thực hiện các hoạt động do khối thi đua tổ chức theo quy định	5	
	Tổng điểm nội dung I + II + III + IV	1.000	

Ghi chú:

Tính điểm bằng cách lấy tỉ lệ % nhiệm vụ hoàn thành nhân với điểm chuẩn

Ví dụ: Đơn vị A hoàn thành 93% nhiệm vụ, thì số điểm mục này sẽ là 93% x 300 (điểm chuẩn) = 279 điểm.

PHỤ LỤC SỐ 05**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ HÀNG NĂM
ĐỐI VỚI CÁC HỘI - XÃ HỘI NGHỀ NGHIỆP CÁC CẤP**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
I	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị	600	
1	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu, kế hoạch do cấp có thẩm quyền giao.	350	
2	Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất phát sinh trong năm do cấp có thẩm quyền giao.	200	
-	<i>Tham mưu cấp trên ban hành các đề án, chương trình, nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản chỉ đạo, điều hành, định hướng về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực phụ trách.</i>	100	
-	<i>Hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, phát sinh cấp có thẩm quyền giao trong năm.</i>	100	
3	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	50	
-	<i>Đảm bảo tuyệt đối an toàn, phòng chống cháy nổ trong cơ quan, đơn vị, tham gia đầy đủ công tác quân sự quốc phòng và dân quân tự vệ cơ quan, không có cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật.</i>	50	
-	<i>Đề xảy ra cháy nổ trong cơ quan, đơn vị hoặc bị cơ quan quân sự nhắc nhở về công tác quốc phòng và dân quân tự vệ hoặc có cán bộ, đảng viên thuộc cơ quan vi phạm pháp luật.</i>	0	
II	Kết quả xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh	250	
1	Thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát chức năng nhiệm vụ; sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị không để chồng chéo, trùng lặp; xây dựng đề án vị trí việc làm; thực hiện nghiêm túc kế hoạch luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền giao; giữ vững đoàn kết nội bộ trong cơ quan.	50	
2	Kết quả đánh giá chất lượng tổ chức Đảng của đơn vị	100	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	100	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	80	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	70	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
3	Kết quả đánh giá chất lượng các tổ chức chính trị - xã hội của đơn vị	100	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	100	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	80	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	70	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
III	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng	100	
1	Xây dựng, ban hành hệ thống các quy chế, quy định, chương trình, kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng hàng năm	30	
-	Xây dựng các chương trình, kế hoạch và ban hành quy chế, quy định về công tác thi đua, khen thưởng.	10	
-	Ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng.	10	
-	Công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng	5	
-	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng	5	
2	Tổ chức phát động, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua hàng năm	30	
-	Triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động	10	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
-	Triển khai các phong trào thi đua đặc thù của đơn vị	10	
-	Triển khai Cuộc thi viết về gương điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt	5	
-	Công tác tuyên truyền gương ĐHTT, NTVT	5	
3	Tổ chức tốt công tác khen thưởng thường xuyên, đột xuất đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc	30	
-	Thực hiện tốt khen thưởng theo thẩm quyền.	10	
-	Đề xuất cấp trên khen thưởng kịp thời, đảm bảo chất lượng.	10	
-	Hồ sơ trình khen thưởng các cấp đảm bảo đúng quy định.	10	
4	Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo về công tác TĐKT hằng năm	10	
	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo đảm bảo quy định.	10	
IV	Điểm thưởng	50	
1	Thưởng cho các đơn vị có kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị toàn diện, nổi bật so với năm trước và so với các đơn vị trong khối.	15	
2	Thưởng cho các mô hình mới, cách làm mới có phạm vi ảnh hưởng ngoài cơ quan, đơn vị	15	
3	Thưởng cho đơn vị có người lao động trực tiếp thuộc đơn vị được Nhà nước, Thành phố khen thưởng các hình thức, danh hiệu (Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Công dân Thủ đô ưu tú, Chiến sỹ thi đua toàn quốc) hoặc được lãnh đạo Trung ương, Thành phố gửi Thư khen trong năm.	10	
4	Thưởng cho đơn vị thực hiện tốt công tác phát hiện, bồi dưỡng hình tiên tiến; khen thưởng, tuyên truyền nhân rộng ĐHTT, NTVT.	10	
V	Điểm trừ	50	
1	Trừ điểm các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chậm, muộn: cứ mỗi nhiệm vụ trễ chậm, muộn (do đơn vị cấp trên ban hành văn bản) trừ 01 điểm, tổng số điểm trừ không quá 15 điểm.	15	
2	Trừ điểm các đơn vị có cán bộ chủ chốt bị vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên	15	
3	Trừ điểm các đơn vị chưa khắc phục tồn tại, hạn chế theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán	15	
4	Điểm trừ các cơ quan, đơn vị không thực hiện các hoạt động do khối thi đua tổ chức theo quy định	5	
	Tổng điểm nội dung I + II + III + IV	1.000	

Ghi chú:

Tính điểm bằng cách lấy tỉ lệ % nhiệm vụ hoàn thành nhân với điểm chuẩn

Ví dụ: Đơn vị A hoàn thành 93% nhiệm vụ, thì số điểm mục này sẽ là 93% x 300 (điểm chuẩn) = 279 điểm.

PHỤ LỤC SỐ 06**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ; CÁC PHƯỜNG, XÃ THỊ TRẤN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
I	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị	600	
1	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu, kế hoạch do cấp có thẩm quyền giao.	300	
2	Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất phát sinh trong năm do cấp có thẩm quyền giao.	200	
-	<i>Tham mưu cấp trên ban hành các đề án, chương trình, nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản chỉ đạo, điều hành, định hướng về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực phụ trách.</i>	100	
-	<i>Hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, phát sinh cấp có thẩm quyền giao trong năm.</i>	100	
3	Kết quả điểm đánh giá chỉ số cải cách hành chính, chuyển đổi số	50	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá từ 90 điểm trở lên</i>	50	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá từ 80 đến 89 điểm</i>	40	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá từ 70 đến 79 điểm</i>	30	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá đạt dưới 70 điểm</i>	20	
4	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	50	
-	<i>Công tác tuyển quân và quân sự địa phương</i>	25	
-	<i>Công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, công tác phòng chống cháy nổ trong địa phương, đơn vị. Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người; điểm nóng, phức tạp trên địa bàn</i>	25	
II	Kết quả xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh	250	
1	Thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát chức năng nhiệm vụ; sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị không để chồng chéo, trùng lặp; xây dựng đề án vị trí việc làm; thực hiện nghiêm túc kế hoạch luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác theo KH của Thành uỷ và UBND Thành phố; giữ vững đoàn kết nội bộ trong địa phương, đơn vị	50	
2	Kết quả đánh giá chất lượng tổ chức Đảng của đơn vị	60	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	60	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	50	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	40	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
3	Kết quả đánh giá chất lượng của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội của đơn vị	140	
3.1	Kết quả đánh giá của Mặt trận Tổ quốc:	40	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	40	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	30	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	25	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
3.2	Kết quả đánh giá của các tổ chức chính trị - xã hội:	100	
-	<i>Liên đoàn Lao động: Hoàn thành xuất sắc: 20 điểm; Hoàn thành tốt: 15 điểm; Hoàn thành: 10 điểm; Không hoàn thành: 0 điểm</i>	20	
-	<i>Hội Cựu chiến binh: Hoàn thành xuất sắc: 20 điểm; Hoàn thành tốt: 15 điểm; Hoàn thành: 10 điểm; Không hoàn thành: 0 điểm.</i>	20	
-	<i>Hội Liên hiệp phụ nữ: Hoàn thành xuất sắc: 20 điểm; Hoàn thành tốt: 15 điểm; Hoàn thành: 10 điểm; Không hoàn thành: 0 điểm</i>	20	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
-	Hội Nông dân: Hoàn thành xuất sắc: 20 điểm; Hoàn thành tốt: 15 điểm; Hoàn thành: 10 điểm; Không hoàn thành: 0 điểm.	20	
-	Đoàn TNCSHCM: Hoàn thành xuất sắc: 20 điểm; Hoàn thành tốt: 15 điểm; Hoàn thành: 10 điểm; Không hoàn thành: 0 điểm.	20	
III	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng	100	
1	Xây dựng, ban hành hệ thống các quy chế, quy định, chương trình, kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng hằng năm	30	
-	Xây dựng các chương trình, kế hoạch và ban hành quy chế, quy định về công tác thi đua, khen thưởng.	10	
-	Ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng.	10	
-	Công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng	5	
-	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng	5	
2	Tổ chức phát động, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua hằng năm	30	
-	Triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động	10	
-	Triển khai các phong trào thi đua đặc thù của đơn vị	10	
-	Triển khai Cuộc thi viết về gương điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt	5	
-	Công tác tuyên truyền gương ĐHTT, NTVT	5	
3	Tổ chức tốt công tác khen thưởng thường xuyên, đột xuất đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc	30	
-	Thực hiện tốt khen thưởng theo thẩm quyền.	10	
-	Đề xuất cấp trên khen thưởng kịp thời, đảm bảo chất lượng.	10	
-	Hồ sơ trình khen thưởng các cấp đảm bảo đúng quy định.	10	
4	Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo về công tác TĐKT hằng năm	10	
	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo đảm bảo quy định.	10	
IV	Điểm thưởng	50	
1	Thưởng cho các đơn vị có kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị toàn diện, nổi bật so với năm trước và so với các đơn vị trong khối.	15	
2	Thưởng cho các mô hình mới, cách làm mới có phạm vi ảnh hưởng ngoài cơ quan, đơn vị	15	
3	Thưởng cho đơn vị có người lao động trực tiếp thuộc đơn vị được Nhà nước, Thành phố khen thưởng các hình thức, danh hiệu (Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Công dân Thủ đô ưu tú, Chiến sỹ thi đua toàn quốc) hoặc được lãnh đạo Trung ương, Thành phố gửi Thư khen trong năm.	10	
4	Thưởng cho đơn vị thực hiện tốt công tác phát hiện, bồi dưỡng hình tiên tiến; khen thưởng, tuyên truyền nhân rộng ĐHTT, NTVT.	10	
V	Điểm trừ	50	
1	Trừ điểm các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chậm, muộn: cứ mỗi nhiệm vụ để chậm, muộn (do đơn vị cấp trên ban hành văn bản) trừ 01 điểm, tổng số điểm trừ không quá 15 điểm.	15	
2	Trừ điểm các đơn vị có cán bộ chủ chốt bị vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên	15	
3	Trừ điểm các đơn vị chưa khắc phục tồn tại, hạn chế theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán	15	
4	Điểm trừ các cơ quan, đơn vị không thực hiện các hoạt động do khối thi đua tổ chức theo quy định	5	
	Tổng điểm nội dung I + II + III + IV	1.000	

Ghi chú: Tính điểm bằng cách lấy tỉ lệ % nhiệm vụ hoàn thành nhân với điểm chuẩn; Ví dụ: Đơn vị A hoàn thành 93% nhiệm vụ, thì số điểm mục này sẽ là 93% x 300 (điểm chuẩn) = 279 điểm.

PHỤ LỤC SỐ 07**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ HÀNG NĂM
ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CÔNG LẬP**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
I	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị	600	
1	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu, kế hoạch do cấp có thẩm quyền giao.	300	
2	Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất phát sinh trong năm do cấp có thẩm quyền giao.	200	
-	<i>Tham mưu cấp trên ban hành các đề án, chương trình, nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản chỉ đạo, điều hành, định hướng về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực phụ trách.</i>	100	
-	<i>Hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, phát sinh cấp có thẩm quyền giao trong năm.</i>	100	
3	Kết quả điểm đánh giá chỉ số cải cách hành chính, chuyển đổi số	50	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá từ 90 điểm trở lên</i>	50	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá từ 80 đến 89 điểm</i>	40	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá từ 70 đến 79 điểm</i>	30	
-	<i>Chỉ số CCHC trong năm được đánh giá đạt dưới 70 điểm</i>	20	
4	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	50	
-	<i>Đảm bảo tuyệt đối an toàn, phòng chống cháy nổ trong cơ quan, đơn vị, tham gia đầy đủ công tác quân sự quốc phòng và dân quân tự vệ cơ quan, không có cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật.</i>	50	
-	<i>Để xảy ra cháy nổ trong cơ quan, đơn vị hoặc bị cơ quan quân sự nhắc nhở về công tác quốc phòng và dân quân tự vệ hoặc có cán bộ, đảng viên thuộc cơ quan vi phạm pháp luật.</i>	0	
II	Kết quả xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh	250	
1	Thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát chức năng nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng đề án vị trí việc làm; thực hiện kế hoạch luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.	50	
2	Kết quả đánh giá chất lượng tổ chức Đảng của đơn vị	100	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	100	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	80	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	70	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
3	Kết quả đánh giá chất lượng các tổ chức chính trị - xã hội của đơn vị	100	
3.1	Kết quả đánh giá tổ chức công đoàn	40	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	40	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	35	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	30	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
3.2	Kết quả đánh giá tổ chức Đoàn thanh niên	60	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	60	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	50	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	40	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
III	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng	100	
1	Xây dựng, ban hành hệ thống các quy chế, quy định, chương trình, kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng hằng năm	30	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
-	Xây dựng các chương trình, kế hoạch và ban hành quy chế, quy định về công tác thi đua, khen thưởng.	10	
-	Ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng.	10	
-	Công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng	5	
-	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng	5	
2	Tổ chức phát động, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua hằng năm	30	
-	Triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động	10	
-	Triển khai các phong trào thi đua đặc thù của đơn vị	10	
-	Triển khai Cuộc thi viết về gương điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt	5	
-	Công tác tuyên truyền gương ĐHTT, NTVT	5	
3	Tổ chức tốt công tác khen thưởng thường xuyên, đột xuất đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc	30	
-	Thực hiện tốt khen thưởng theo thẩm quyền.	10	
-	Đề xuất cấp trên khen thưởng kịp thời, đảm bảo chất lượng.	10	
-	Hồ sơ trình khen thưởng các cấp đảm bảo đúng quy định.	10	
4	Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo về công tác TĐKT hằng năm	10	
	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo đảm bảo quy định.	10	
IV	Điểm thưởng	50	
1	Thưởng cho các đơn vị có kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị toàn diện, nổi bật so với năm trước và so với các đơn vị trong khối.	15	
2	Thưởng cho các mô hình mới, cách làm mới có phạm vi ảnh hưởng ngoài cơ quan, đơn vị	15	
3	Thưởng cho đơn vị có người lao động trực tiếp thuộc đơn vị được Nhà nước, Thành phố khen thưởng các hình thức, danh hiệu (Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Công dân Thủ đô ưu tú, Chiến sỹ thi đua toàn quốc) hoặc được lãnh đạo Trung ương, Thành phố gửi Thư khen trong năm.	10	
4	Thưởng cho đơn vị thực hiện tốt công tác phát hiện, bồi dưỡng hình tiên tiến; khen thưởng, tuyên truyền nhân rộng ĐHTT, NTVT.	10	
V	Điểm trừ	50	
1	Trừ điểm các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chậm, muộn: cứ mỗi nhiệm vụ để chậm, muộn (do đơn vị cấp trên ban hành văn bản) trừ 01 điểm, tổng số điểm trừ không quá 15 điểm.	15	
2	Trừ điểm các đơn vị có cán bộ chủ chốt bị vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên	15	
3	Trừ điểm các đơn vị chưa khắc phục tồn tại, hạn chế theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán	15	
4	Điểm trừ các cơ quan, đơn vị không thực hiện các hoạt động do khối thi đua tổ chức theo quy định	5	
	Tổng điểm nội dung I + II + III + IV	1.000	

Ghi chú:

Tính điểm bằng cách lấy tỉ lệ % nhiệm vụ hoàn thành nhân với điểm chuẩn

Ví dụ: Đơn vị A hoàn thành 93% nhiệm vụ, thì số điểm mục này sẽ là 93% x 300 (điểm chuẩn) = 279 điểm.

PHỤ LỤC SỐ 08
BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ HÀNG NĂM
ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOÀI COUNTRY LẬP
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
I	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị	600	
1	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu, kế hoạch do cấp có thẩm quyền giao.	300	
2	Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất phát sinh trong năm do cấp có thẩm quyền giao.	200	
-	<i>Tham mưu cấp trên ban hành các đề án, chương trình, nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản chỉ đạo, điều hành, định hướng về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực phụ trách.</i>	100	
-	<i>Hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, phát sinh cấp có thẩm quyền giao trong năm.</i>	100	
3	Kết quả thực hiện chuyển đổi số; ứng dụng phần mềm trong quản lý, điều hành, sử dụng chữ ký số, hạn chế văn bản giấy	50	
4	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	50	
-	<i>Đảm bảo tuyệt đối an toàn, phòng chống cháy nổ trong cơ quan, đơn vị, tham gia đầy đủ công tác quân sự quốc phòng và dân quân tự vệ cơ quan, không có cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật.</i>	50	
-	<i>Để xảy ra cháy nổ trong cơ quan, đơn vị hoặc bị cơ quan quân sự nhắc nhở về công tác quốc phòng và dân quân tự vệ hoặc có cán bộ, đảng viên thuộc cơ quan vi phạm pháp luật.</i>	0	
II	Kết quả xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh	250	
1	- Thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát chức năng nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện kế hoạch luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác theo quy định, xây dựng đề án vị trí việc làm (nếu có) - Xây dựng nội bộ đoàn kết, không có đơn thư khiếu nại vượt cấp	50	
2	Kết quả đánh giá chất lượng tổ chức Đảng của đơn vị	100	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	100	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	80	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	70	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
3	Kết quả đánh giá chất lượng các tổ chức chính trị - xã hội của đơn vị	100	
3.1	Kết quả đánh giá tổ chức công đoàn	40	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	40	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	35	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	30	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
3.2	Kết quả đánh giá tổ chức Đoàn thanh niên	60	
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>	60	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	50	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	40	
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0	
III	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng	100	
1	Xây dựng, ban hành hệ thống các quy chế, quy định, chương trình, kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng hằng năm	30	
-	Xây dựng các chương trình, kế hoạch và ban hành quy chế, quy định về công tác thi đua, khen thưởng.	10	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
-	Ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng.	10	
-	Công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng	5	
-	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng	5	
2	Tổ chức phát động, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua hằng năm	30	
-	Triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động	10	
-	Triển khai các phong trào thi đua đặc thù của đơn vị	10	
-	Triển khai Cuộc thi viết về gương điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt	5	
-	Công tác tuyên truyền gương ĐHTT, NTVT	5	
3	Tổ chức tốt công tác khen thưởng thường xuyên, đột xuất đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc	30	
-	Thực hiện tốt khen thưởng theo thẩm quyền.	10	
-	Đề xuất cấp trên khen thưởng kịp thời, đảm bảo chất lượng.	10	
-	Hồ sơ trình khen thưởng các cấp đảm bảo đúng quy định.	10	
4	Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo về công tác TĐKT hằng năm	10	
	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo đảm bảo quy định.	10	
IV	Điểm thưởng	50	
1	Thưởng cho các đơn vị có kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị toàn diện, nổi bật so với năm trước và so với các đơn vị trong khối.	15	
2	Thưởng cho các mô hình mới, cách làm mới có phạm vi ảnh hưởng ngoài cơ quan, đơn vị	15	
3	Thưởng cho đơn vị có người lao động trực tiếp thuộc đơn vị được Nhà nước, Thành phố khen thưởng các hình thức, danh hiệu (Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Công dân Thủ đô ưu tú, Chiến sỹ thi đua toàn quốc) hoặc được lãnh đạo Trung ương, Thành phố gửi Thư khen trong năm.	10	
4	Thưởng cho đơn vị thực hiện tốt công tác phát hiện, bồi dưỡng hình tiên tiến; khen thưởng, tuyên truyền nhân rộng ĐHTT, NTVT.	10	
V	Điểm trừ	50	
1	Trừ điểm các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chậm, muộn: cứ mỗi nhiệm vụ trễ chậm, muộn (do đơn vị cấp trên ban hành văn bản) trừ 01 điểm, tổng số điểm trừ không quá 15 điểm.	15	
2	Trừ điểm các đơn vị có cán bộ chủ chốt bị vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên	15	
3	Trừ điểm các đơn vị chưa khắc phục tồn tại, hạn chế theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán	15	
4	Điểm trừ các cơ quan, đơn vị không thực hiện các hoạt động do khối thi đua tổ chức theo quy định	5	
	Tổng điểm nội dung I + II + III + IV	1.000	

Ghi chú:

Tính điểm bằng cách lấy tỉ lệ % nhiệm vụ hoàn thành nhân với điểm chuẩn

Ví dụ: Đơn vị A hoàn thành 93% nhiệm vụ, thì số điểm mục này sẽ là 93% x 300 (điểm chuẩn) = 279 điểm.

PHỤ LỤC SỐ 09**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
I.	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; các nhiệm vụ được Thành phố giao	70	
1	Doanh thu:	15	
	Doanh thu thực hiện so với kế hoạch, tối đa không quá 10 điểm.	10	
	- Doanh nghiệp có tổng doanh thu dưới 20 tỷ đồng/năm: Cứ tăng 1,5% so với kế hoạch được 1 điểm, tối đa không quá 5 điểm. - Doanh nghiệp có tổng doanh thu từ 20 tỷ đồng/năm trở lên: Cứ tăng 1% so với kế hoạch được 1 điểm, tối đa không quá 5 điểm.	5	
2	Nộp ngân sách nhà nước:	15	
	Nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định	10	
	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cứ tăng 1% so với kế hoạch được 1 điểm, tối đa không quá 5 điểm	5	
3	Lợi nhuận sau thuế	15	
	Lợi nhuận sau thuế thực hiện so với kế hoạch, tối đa không quá 10 điểm.	10	
	Lợi nhuận sau thuế cứ tăng 1% so với kế hoạch được 1 điểm, tối đa không quá 5 điểm.	5	
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	5	
	Đạt trên 10%	5	
	Đạt từ 5% đến 10%	3	
	Đạt dưới 5%	1	
5	Thu nhập bình quân đầu người/ tháng (Thu nhập bình quân của người lao động không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định hiện hành và không thấp hơn so năm trước)	5	
6	Nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động (Nộp đúng, nộp đủ theo quy định của pháp luật)	10	
7	Nợ xấu, nợ quá hạn (Doanh nghiệp không có nợ quá hạn, nợ xấu các tổ chức tín dụng; các tổ chức tín dụng: có nợ xấu dưới mức tối đa theo quyết định của Thống đốc NHNN)	5	
II	Kết quả xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh	20	
1	Kết quả đánh giá chất lượng tổ chức Đảng của đơn vị	5	
	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	5	
	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	3	
	Hoàn thành nhiệm vụ	2	
	Không hoàn thành nhiệm vụ	0	
2	Kết quả đánh giá chất lượng tổ chức công đoàn	5	
	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	5	
	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	3	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
	Hoàn thành nhiệm vụ	2	
	Không hoàn thành nhiệm vụ	0	
3	Đơn vị chấp hành các quy định của pháp luật nơi đơn vị đóng trụ sở và nơi đơn vị có hoạt động sản xuất, kinh doanh	5	
4	Tham gia đóng góp, ủng hộ các quỹ xã hội, từ thiện nhân đạo	5	
	Mức đóng góp từ 2% lợi nhuận sau thuế trở lên hoặc số tiền từ trên 500 triệu đồng	5	
	Mức đóng góp từ 1% đến dưới 2% lợi nhuận sau thuế hoặc số tiền từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng	3	
	Mức đóng góp dưới 1% lợi nhuận sau thuế hoặc số tiền dưới 50 triệu đồng.	1	
III	Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng	5	
1	Ban hành quy chế, quy định, chương trình, kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng hằng năm	1	
2	Tổ chức phát động, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua hằng năm	1	
3	Tổ chức tốt công tác khen thưởng thường xuyên, đột xuất đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc	3	
	<i>Có khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị</i>	1	
	<i>Đề xuất và được khen thưởng cấp Thành phố trong năm</i>	1	
	<i>Đề xuất và được khen thưởng cấp Nhà nước trong năm</i>	1	
IV	Điểm thưởng	5	
1	Doanh nghiệp có mô hình, nhân tố mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả tích cực cho đơn vị và cộng đồng.	2	
2	Doanh nghiệp có đầu tư phát triển KHCN (Doanh nghiệp trích 3% lợi nhuận sau thuế trở lên để lập Quỹ phát triển KHCN hoặc trong năm đã đầu tư KHCN từ 3% lợi nhuận sau thuế trở lên).	1	
3	Doanh nghiệp có sáng kiến được Thành phố công nhận hoặc sáng chế, giải pháp hữu ích được Cục Sở hữu trí tuệ cấp bằng hoặc được công nhận sản phẩm công nghiệp chủ lực của Thành phố.	1	
4	Doanh nghiệp được vinh danh hoặc nhận giải thưởng do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trao tặng.	1	
V	Điểm trừ	5	
1	Trừ điểm các đơn vị thực hiện nhiệm vụ được Thành phố giao trễ chậm, muộn, có văn bản nhắc nhở hoặc có vụ việc tiêu cực liên quan bị các cơ quan chức năng, báo chí nêu (<i>mỗi nhiệm vụ chậm, muộn trừ 0,5 điểm</i>)	3	
2	Trừ điểm các doanh nghiệp khai báo kết quả chỉ tiêu sản xuất kinh doanh bị sai lệch, không đúng theo sổ sách	2	
	Tổng điểm nội dung I + II + III + IV	100	

Ghi chú: Tính điểm bằng cách lấy tỉ lệ % nhiệm vụ hoàn thành nhân với điểm chuẩn

Ví dụ: Đơn vị A hoàn thành 93% nhiệm vụ, thì số điểm mục này sẽ là 93% x 30 (điểm chuẩn) = 27,9 điểm.